

Số: 80 /KH-BCĐ

Ninh Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Hành động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2023

Thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCD� ngày 04/4/2023, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) ban hành Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo; cụ thể hóa các nội dung, yêu cầu nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong năm 2023, gắn trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình quản lý. Đề ra các giải pháp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh, tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình năm 2023.

II. MỤC TIÊU

Các thành viên Ban Chỉ đạo tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã được phân công phụ trách, đồng thời tập trung tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành một số chỉ tiêu quan trọng trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Dữ liệu số

- 100% các sở, ban, ngành ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung tại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh.

- 100% các sở, ban, ngành ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng dữ liệu mở tại Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh.

- 100% các yêu cầu về cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) được đáp ứng.

- 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã ứng dụng, triển khai và thực hiện đúng quy trình, chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- 100% các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng.

2. Chính quyền số

- 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố ban hành và triển khai kế hoạch hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã triển khai ứng dụng, khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã hợp nhất giữa Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình có đủ điều kiện theo quy định được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 30% thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 60% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

- Hoàn thành triển khai thử nghiệm Ứng dụng công dân số tỉnh Ninh Bình để xây dựng, hình thành kênh tương tác chính thống giữa chính quyền với người dân và trợ lý ảo phục vụ người dân.

- Tối thiểu 30% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Trên 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

3. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 16%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên 8,5%.
- 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.
- 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

4. Xã hội số

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng, sẵn sàng đáp ứng cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet băng rộng cáp quang đạt trên 85%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 20%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 100%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.

5. An toàn, an ninh mạng

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 80%.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên 30%.
- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 20%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 10%.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại các Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí xã hội hóa, hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh

a) Các thành viên Ban Chỉ đạo căn cứ các mục tiêu, yêu cầu tại Kế hoạch để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể nhằm triển khai thực hiện hiệu quả đối với các nhiệm vụ được phân công phụ trách. Trong quá trình chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ yêu cầu phải gắn kết, đồng bộ thực hiện cùng với các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch năm về chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tập trung chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý; quá trình triển khai thực hiện chủ động đề xuất, báo cáo những khó khăn, vướng mắc với lãnh đạo Ban Chỉ đạo để được giải quyết kịp thời.

c) Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo.

2. Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo)

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan dưới sự điều phối của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, đảm bảo theo đúng lộ trình và yêu cầu đề ra.

b) Là đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành Trung ương để được hướng dẫn, hỗ trợ triển khai các hoạt động nhằm hưởng ứng, thúc đẩy hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động năm dữ liệu số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

c) Chủ trì, chủ động tham mưu, đề xuất lãnh đạo Ban Chỉ đạo tổ chức các phiên họp toàn thể, sơ kết, tổng kết và đột xuất để đánh giá kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo. Định kỳ kiểm tra, đánh giá và tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các thành viên Ban Chỉ đạo; các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời đề xuất với Lãnh đạo Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

3. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố

a) Chịu trách nhiệm điều phối của thành viên Ban Chỉ đạo tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Kế hoạch.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp tình hình cụ thể hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình, gửi Sở Thông tin và Truyền thông trước **ngày 20/5/2023** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

c) Định kỳ trước ngày 25 của tháng cuối hàng quý, năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh để được xem xét, giải quyết./ *la*

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên BCD CDS tỉnh;
- Thành viên Tổ công tác giúp việc BCD CDS tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VNPT, Viettel Ninh Bình;
- Bưu điện tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Ninh Bình, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các VP, TT.

HP_VP6_04.KH

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Handwritten signature in blue ink.

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Tống Quang Thìn**